

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/KDTM-PT
Ngày 22-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa

Các Thẩm phán:

Ông Phan Trí Dũng

Ông Huỳnh Văn Luật

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2023/TLPT-KDTM ngày 09/8/2023 về việc “tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 13/2023/KDTM-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2023/QĐXXPT-KDTM ngày 18/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế - Xây dựng H1; địa chỉ: Khu thương mại dịch vụ H2, xã H2, huyện H3, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1961; địa chỉ: 161/13, đường N, khu phố 1, phường P1, thành phố P2, tỉnh Bình Thuận (văn bản ủy quyền ngày 17/8/2023); có mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn (viết tắt TNHH) Cơ khí Đ; địa chỉ: số 25/4B, quốc lộ Y, khu phố T1, phường T2, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Dạ T3, sinh năm 1974, địa chỉ: Số B, đường Nguyễn Văn Đ1, Phường R, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 03/8/2022); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH Cơ khí Đ.
- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2022, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế - Xây dựng H1 và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế - Xây dựng H1 (viết tắt là Công ty H1) và Công ty TNHH Cơ khí Đ (viết tắt là Công ty Đ) ký Hợp đồng kinh tế số: 1010/HĐKT-ĐV ngày 10 tháng 10 năm 2020, với nội dung: Công ty Đ nhận thiết kế, thi công, nâng cấp lại 01 dây chuyền nghiền đá 75T/h thành dây chuyền nghiền sàng đá, cát làm ra 03 thành phẩm: đá xây dựng và cát nhân tạo; vị trí lắp đặt dây chuyền tại mỏ đá T4, xã H4, huyện H5, tỉnh Bình Thuận.

Vật tư lắp ráp dây chuyền: một số máy móc thiết bị cũ của Công ty H1 (trước đây do Công ty Đ bán và lắp đặt) và một số thiết bị, máy móc khác do Công ty Đ bán để đảm bảo việc lắp đặt thành một dây chuyền sản xuất hoàn chỉnh với thành phẩm là đá xây dựng và cát nhân tạo. Máy móc thiết bị Công ty Đ bán thêm theo hợp đồng gồm 01 bộ cone vỏ đá li tâm (Kemco Japan 85%) Ro toa 36 inch; 01 cái mô tơ 200kw 960 vòng/phút; 01 cái bu li bằng D600 10 rãnh; 06 dây cu roa D200; 16 mét cầu băng tải B800 dài 16m lên sàng; 10 mét cầu băng tải B600 dài 10m lên sàng hồi cone vỏ; 01 bộ sàng 1500 x 4500 mm; 01 bộ tủ điện và dây điện.

Chất lượng sản phẩm ghi chi tiết theo nội dung hợp đồng.

Tổng trị giá vật tư, nhân công lắp đặt: 1.502.270.000 đồng;

Thời hạn thanh toán và tạm ứng như sau:

- Đợt 1: Công ty Đ được tạm ứng 30% giá trị hợp đồng để mua các máy móc thiết bị phục vụ thi công.

- Đợt 2: Công ty Đ được tạm ứng 30% giá trị hợp đồng.

- Đợt 3: Công ty Đ được tạm ứng 20% giá trị hợp đồng.

- Đợt 4: Công ty Đ được tạm ứng 15% giá trị hợp đồng.

Sau thời gian bảo hành 6 tháng kể từ ngày bàn giao sẽ thanh toán 5% còn lại.

Thời gian thực hiện thi công là 35 ngày kể từ ngày Công ty Đ nhận được tiền tạm ứng đợt 1.

Công ty Đ đã nhận số tiền tạm ứng từ Công ty H1 như sau:

- Ngày 02/11/2020 tạm ứng số tiền là: 100.000.000 đồng.

- Ngày 15/12/2020 tạm ứng số tiền là: 100.000.000 đồng.

- Ngày 13/01/2021 tạm ứng số tiền là: 250.000.000 đồng.

- Ngày 22/3/2021 tạm ứng số tiền là: 450.681.000 đồng.
 - Ngày 27/11/2021 tạm ứng số tiền là: 300.454.000 đồng.
- Tổng cộng là: 1.201.135.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đem máy móc thiết bị của mình và dùng một số máy móc thiết bị của Công ty H1 lắp ráp hoàn chỉnh thành một dây chuyền sản xuất. Tuy nhiên, khi chạy thử thì sản phẩm làm ra không đạt chất lượng như đã thỏa thuận trong hợp đồng do bộ phận chính của thiết bị dây chuyền (cone vo đá ly tâm) là bộ phận có giá trị lớn (chiếm tỷ trọng cao trên 60% giá trị của các thiết bị trong hợp đồng) chất lượng không đảm bảo.

Ngày 19/7/2021, Công ty H1 gửi Văn bản số 19/CV/HG yêu cầu Công ty Đ thay thế cone vo (là thiết bị chính của hợp đồng) và cân chỉnh hệ thống thiết bị cho hoạt động đồng bộ, thời hạn khắc phục đến ngày 15/8/2021. Đến ngày 25/8/2021, Công ty Đ có văn bản phúc đáp thừa nhận “sau khi chạy đá 1*2 không đạt chất lượng do cone 600 có sự cố chưa phát hiện, sau khi sửa cone xong đi vào sản xuất thì không xay đá 1*2 chỉ còn xay cát và bụi thì giàn máy giảm đi 40% - 50% tổng công suất dây chuyền”. Ngoài ra, Công ty Đ đưa ra nhiều lý do để không thực hiện khắc phục hậu quả như do dịch bệnh Covid-19, thời tiết, thiết bị chưa được sử dụng tại Việt Nam. Đến ngày 11/10/2021, hai bên tiến hành họp tại Công ty H1 và đã thống nhất các nội dung cuộc họp như sau:

- Công suất không đạt yêu cầu của hợp đồng.
- Tỷ lệ sản phẩm thu hồi chưa được đánh giá cụ thể.
- Chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu.
- Hệ thống thiết bị hệ thống cone vo của Công ty Đ cung cấp không đạt chất lượng tỷ lệ phần trăm như hợp đồng.
- Công ty Đ không kiểm tra thiết bị của Công ty H1 trước khi lắp đặt để xảy ra tình trạng hư hỏng trong quá trình sử dụng và sản xuất.

Kết thúc cuộc họp Công ty Đ đề nghị cho tháo gỡ rung sàng phân loại để sửa chữa trước khi có văn bản trả lời chính thức về hướng xử lý.

Ngày 04/7/2022, Công ty H1 có thư mời Công ty Đ tiến hành nghiệm thu bàn giao dây chuyền vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 11/7/2022 nhưng Công ty Đ trả lời (ngày 07/7/2022) do dây chuyền nghiền đá, cát đã lâu chưa đưa vào hoạt động; đề nghị cử hai nhân viên kỹ thuật ra kiểm tra dây chuyền trước khi tiến hành nghiệm thu và không tham gia bàn giao nghiệm thu vào ngày 11/7/2022.

Đến ngày 22/10/2022, hai bên đã gặp nhau để tiến hành nghiệm thu theo như thỏa thuận nhưng Công ty Đ lấy các lý do như: bị cắt dây điện, mất một búa đập nên máy không thể vận hành được nên việc nghiệm thu không được thực hiện, hai bên cùng lập văn bản để ghi nhận sự việc.

Do dây chuyền chưa được nghiệm thu, chưa được bàn giao nên Công ty H1 không chịu trách nhiệm về việc mất mát các thiết bị nếu có xảy ra. Hiện nay,

dây chuyền nghiền đá, cát tại khu vực mỏ đá T4 trong khuôn viên Công ty H1 tại xã H4, huyện H5, tỉnh Bình Thuận. Dây chuyền đang tranh chấp nằm trong khuôn viên Công ty H1, có phân công bảo vệ chặt chẽ suốt 24 giờ hàng ngày, việc ra vào công ty được kiểm tra chặt chẽ nên sẽ không có tình trạng trộm cắp tài sản dây chuyền như bị đơn trình bày. Bị đơn cho rằng có sự mất cắp tài sản là cố tình trốn tránh trách nhiệm và kéo dài thời hạn giải quyết vụ án.

Công ty Đ vi phạm Hợp đồng làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty H1; do đó, Công ty H1 yêu cầu:

Hủy bỏ Hợp đồng kinh tế số: 1010/HĐKT-ĐV ngày 10 tháng 10 năm 2020; buộc Công ty Đ trả lại số tiền 1.201.135.000 đồng đã nhận của Công ty H1, tiền phạt do vi phạm hợp đồng là $1.201.135.000 \text{ đồng} \times 8\% = 96.090.800 \text{ đồng}$; và tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày 27/11/2021 (ngày cuối cùng của đợt thanh toán thứ 3) đến ngày xét xử sơ thẩm là $1.201.135.000 \text{ đồng} \times 576 \text{ ngày} = 189.548.975 \text{ đồng}$. Yêu cầu Công ty Đ trả tiền lãi tiếp tục cho đến khi trả hết nợ.

Buộc bị đơn Công ty Đ phải thu hồi các thiết bị vật tư đã lắp đặt trong dây chuyền nghiền đá, cát đã thi công.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH cơ khí Đ là bà Nguyễn Thị Dạ Thảo trình bày.

Thông nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn về Hợp đồng kinh tế số: 1010/HĐKT-ĐV ngày 10 tháng 10 năm 2020 đã ký giữa Công ty H1 và Công ty Đ. Công ty Đ không đồng ý với yêu cầu của Công ty H1, với các lý do:

Thứ nhất: Công ty H1 đã vi phạm thời hạn thanh toán; theo quy định tại Điều 7 của hợp đồng thì ngày 10/10/2020, Công ty Đ phải được tạm ứng 30% với số tiền 450.681.000 đồng, nhưng:

Ngày đến 02/11/2020, Công ty Đ nhận được 100.000.000 đồng;

Ngày 15/12/2020, Công ty Đ nhận thêm 100.000.000 đồng;

Ngày 13/01/2021, Công ty Đ nhận thêm 250.000.000 đồng;

Công ty H1 đã chậm trễ trong việc tạm ứng cho Công ty Đ thời gian 95 ngày theo thỏa thuận tại hợp đồng.

Ngày 20/01/2021, Công ty Đ đã vận chuyển vật tư thiết bị đến công trình của Công ty H1 và tiến hành thi công, lắp ráp dây chuyền sản xuất đá.

Ngày 22/01/2021, Công ty Đ có văn bản đề nghị Công ty H1 tạm ứng 30% số tiền đợt 2 là 450.681.000 đồng;

Ngày 22/3/2021, Công ty H1 mới chuyển tạm ứng đợt hai cho Công ty Đ số tiền là: 450.681.000 đồng.

Công ty H1 đã chậm trễ thanh toán cho Công ty Đ đợt 02 là 60 ngày;

Ngày 29/3/2021, Công ty Đ có văn bản đề nghị Công ty H1 thanh toán đợt 3 là 20% giá trị hợp đồng;

Ngày 27/4/2021, Công ty H1 chuyển tạm ứng đợt ba cho Công ty Đ số tiền 300.454.000 đồng; thời hạn chậm thanh toán là 29 ngày.

Thứ hai: Sau khi đã thi công lắp ráp xong dây chuyền, Công ty Đ đề nghị Công ty H1 tiến hành nghiệm thu để có cơ sở thanh quyết toán hợp đồng nhưng Công ty H1 không đồng ý. Qua trao đổi với ông T6 là nhân viên vận hành dây chuyền nghiền sàng đá, cát được biết Công ty H1 đã rất nhiều lần chạy thử sản phẩm dùng nguyên liệu đầu vào đúng theo hợp đồng nhưng không cho ra sản phẩm đá 1*2 và thành phẩm cát thô và cát tinh không đạt yêu cầu. Công ty Đ đã nhiều lần giải trình với Công ty H1 sở dĩ sản phẩm xay ra không đạt yêu cầu là vì Công ty H1 không tiến hành chạy thử dây chuyền theo đúng thỏa thuận về điều kiện nghiệm thu dây chuyền.

Thứ ba: Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Thành phố Hồ Chí Minh bị phong tỏa nên Công ty Đ không thể đến mỏ đá T4 để sửa chữa, thiết kế lại dây chuyền sàng đá cát để ra sản phẩm như yêu cầu vô lý của Công ty H1 được. Ngày 05/5/2022, Công ty Đ có văn bản phản hồi ý kiến và đề nghị xử lý hợp đồng dứt điểm, đề nghị Công ty H1 lập hội đồng cho chạy nghiệm thu sản phẩm cát đá 1*2 trên dây chuyền nghiền sàng đá cát 3 thành phẩm 1 lúc như nội dung hợp đồng đã ký. Ngày 04/7/2022, Công ty H1 có thư mời Công ty Đ có mặt tại nơi đặt dây chuyền nghiền sàng đá cát tại xã H4, huyện H5, tỉnh Bình Thuận để tiến hành nghiệm dây chuyền như hai bên đã thống nhất. Ngày 7/7/2022, Công ty Đ có thư phúc đáp thông báo sẽ cử hai nhân viên kỹ thuật ra kiểm tra dây chuyền trước khi hai bên tiến hành nghiệm thu vào ngày 11/7/2022 nhưng khi hai nhân viên Công ty Đ đến thì Công ty H1 không cho kiểm tra, khởi động máy; nhân viên Công ty Đ ở lại công trình 02 ngày không thuyết phục được việc nghiệm thu dây chuyền sản xuất nên phải ra về.

Thứ tư: Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của hợp đồng thì mặt bằng thi công dây chuyền nghiền sàng đá, cát phải được Công ty H1 bàn giao theo tiến độ một cách liên tục để Công ty Đ thi công nhưng từ ngày 15/01/2021 đến ngày 26/3/2021, Công ty H1 đã chậm trễ trong việc bàn giao mặt bằng là 18 ngày do đổ móng chậm. Cũng trong thời gian từ ngày 15/01/2021 đến ngày 26/3/2021 thì Công ty H1 bị cúp điện 02 ngày làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công của Công ty Đ. Theo thỏa thuận giữa Công ty H1 và Công ty Đ thì ngày 20/10/2022, đại diện Công ty Đ đến địa điểm đặt dây chuyền nghiền sàng đá cát tại mỏ đá T4 bảo dưỡng kiểm tra dây chuyền đề ngày 22/10/2022 hai bên tiến hành nghiệm thu nhưng vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 21/10/2022 tại trạm nghiền, Giám đốc Công ty Đ phát hiện 4 đoạn dây điện của cone vo bị cắt mất, tổng cộng 32m dây điện trong dây chuyền nghiền sàng đá cát bị cắt mất; ngoài ra còn bị mất thêm 1 cái búa đập trong cone vo. Sự việc dây điện âm dưới đất của dây chuyền bị cắt và mất cái búa đập có sự chứng kiến của ông Phạm Châu T7 giám đốc mỏ đá T4, chính ông T7 điều xe xúc đào đất rà tìm dây điện và ông bảo vệ mỏ đá T4 là ông Đoàn Văn H6 lập biên bản ghi nhận sự việc vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày.

Như vậy, sự việc chưa giải quyết, dây chuyền nghiền sàng đá, cát chưa được nghiệm thu nhưng Công ty H1 đã khởi kiện Công ty Đ là không công bằng

và vô lý; đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn Công ty H1 phải thanh toán cho Công ty Đ số tiền còn thiếu theo hợp đồng là 300.450.000 đồng và lãi chậm thanh toán là 38.127.013 đồng.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 13/2023/KDTM-ST ngày 27/6/2023 của TAND thành phố Đ tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế - xây dựng H1 đối với bị đơn Công ty TNHH cơ khí Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

1.1. Tuyên hủy Hợp đồng kinh tế số: 1010/HĐKT-ĐV ngày 10 tháng 10 năm 2020 ký kết giữa Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế - xây dựng H1 với Công ty TNHH cơ khí Đ.

1.2. Buộc Công ty TNHH cơ khí Đ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế - Xây dựng H1 số tiền 1.297.225.800 đồng, trong đó: số tiền đã tạm ứng là 1.201.135.000 đồng, tiền phạt hợp đồng là 96.090.800 đồng.

1.3. Buộc Công ty TNHH cơ khí Đ phải di dời các tài sản: 01 bộ Cone vo đá li tâm (Kemco Japan 85%) Ro toa 36 inch; 01 cái mô tơ 200kw 960 vòng/phút; 01 cái bu li bảng D600 10 rãnh; 06 dây cu roa D200; 16 mét cầu băng tải B800 dài 16m lên sàng; 10 mét cầu băng tải B600 dài 10m lên sàng hồi cone vo; 01 bộ sàng 1500 x 4500 mm; 01 bộ tủ điện và dây điện tại khu vực mỏ đá T4, xã H4, huyện H5, tỉnh Bình Thuận.

1.4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế - xây dựng H1 về việc buộc Công ty TNHH Cơ khí Đ có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi chậm thanh toán là 189.548.975 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, tuyên về nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo của các bên đương sự;

Ngày 27/6/2023, bị đơn Công ty TNHH Cơ khí Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 27/7/2023, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có Quyết định số 23/QĐ-VKS-KDTM về việc kháng nghị toàn bộ Bản án số 13/2023/KDTM-ST, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Biên bản ngày 21/10/2022 ghi nhận việc mất tài sản là 32m dây điện và 01 cái búa đập trong máy nghiền là không có thật, biên bản lập theo yêu cầu của ông Đ; hơn nữa dây

chuyên chưa bàn giao nên trách nhiệm không thuộc về Công ty H1; dây điện do Công ty H1 mua, búa đập là của Công ty Đ.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: theo nội dung hợp đồng thì hai bên có trách nhiệm bảo quản tài sản, tài sản để tại mỏ đá của Công ty H1, nên xảy ra tình trạng mất tài sản là trách nhiệm của Công ty H1; 32m dây điện là tài sản của Công ty H1, búa đập là của Công ty Đ, đây là một bộ phận của dây chuyên nghiền đá, không có bán lẻ trên thị trường nên không biết giá. Công ty H1 không chịu nghiệm thu dây chuyên sản xuất nhưng đã tự vận hành hơn 08 tháng, đề nghị xem xét trách nhiệm của Công ty H1.

Hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quyết định kháng nghị đã phân tích các vi phạm tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm, diễn biến phiên tòa phúc thẩm cũng không có gì khác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị và tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Công ty H1 khởi kiện với yêu cầu bị đơn Công ty Đ phải trả lại số tiền đã nhận 1.201.135.000 đồng và tiền phạt do vi phạm hợp đồng + tiền lãi chậm trả; với lý do: Công ty Đ vi phạm thỏa thuận hợp đồng mua bán, lắp đặt thiết bị máy móc (dây chuyên nghiền đá) tại Hợp đồng số 1010/HĐKT-ĐV ngày 10 tháng 10 năm 2020. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “hợp đồng thi công” là không đúng, pháp luật không quy định loại quan hệ pháp luật này.

Quá trình giải quyết vụ án, nếu Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng thì phải giải quyết hậu quả của hợp đồng theo quy định Điều 427 của Bộ luật Dân sự hoặc Điều 314 của Luật Thương mại, trường hợp này không xem là vượt quá phạm vi yêu cầu của đương sự.

[1.2] Nguyên đơn là Công ty cổ phần, bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn; quyền hạn và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật (Giám đốc hoặc Tổng giám đốc), của Hội đồng quản trị (Công ty cổ phần) hoặc Hội đồng thành viên (Công ty trách nhiệm hữu hạn) được quy định rõ tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của mỗi doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi giải quyết vụ án, Tòa

án cấp sơ thẩm không yêu cầu hai bên giao nộp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ của doanh nghiệp là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

Tại cấp phúc thẩm, Công ty Đ nộp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ công ty; theo đó Công ty Đ có vốn điều lệ là 1.900.000.000 đồng, điểm d khoản 2 Điều 12 của điều lệ quy định: *“Hội đồng thành viên thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản và hợp đồng khác....có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất”*. Do đó, cần thu thập chứng cứ là báo cáo tài chính trước thời điểm ký hợp đồng để xem xét thẩm quyền ký hợp đồng? trường hợp người đại diện theo pháp luật không đủ thẩm quyền ký hợp đồng thì phải xác định tư cách tham gia tổ tụng của các thành viên trong Hội đồng thành viên của Công ty Đ.

[1.3] Theo nội dung hợp đồng, Công ty Đ bán một số thiết bị máy móc và dùng một số thiết bị máy móc cũ của Công ty H1 để lắp ráp một dây chuyền sản xuất hoàn chỉnh (sản phẩm là đá, cát...theo tỷ lệ và kích cỡ nhất định). Hợp đồng không quy định về chất lượng của loại máy móc thiết bị của Công ty H1, khi dây chuyền đã lắp đặt xong và chạy thử thì sản phẩm không đạt chất lượng như thỏa thuận, dẫn đến tranh chấp. Do đó, cần phải làm rõ sản phẩm không đạt chất lượng do loại máy móc thiết bị nào?. Của ai?. Từ đó mới có căn cứ xác định lỗi và trách nhiệm chính trong việc không thực hiện đúng hợp đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này nên chưa đủ căn cứ giải quyết vụ án.

[1.4] Dây chuyền sản xuất (nghiên sàng đá...) do Công ty Đ lắp ráp tại mỏ đá T4 của Công ty H1 chưa được nghiệm thu và bàn giao. Ngày 21/10/2022, vào lúc 11 giờ 30 phút, ông Đoàn Văn Hoành bảo vệ Công ty H1 lập biên bản ghi nhận sự việc dây chuyền bị mất 02 đoạn dây diện (nổi các thiết bị của dây chuyền) với chiều dài 32m và 01 “cục búa trong cove”; biên bản có ông Phan Châu Thành (Giám đốc mỏ đá T4 của Công ty H1) và ông Đặng Minh V (Giám đốc Công ty Đ) cùng ký. Theo hợp đồng thì hai bên đều có trách nhiệm gìn giữ, bảo quản thiết bị máy móc của dây chuyền trong thời gian thực hiện hợp đồng và chưa bàn giao; tuy nhiên, khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đánh giá, định giá số tài sản bị mất và xác định trách nhiệm của bên nào là bỏ sót chứng cứ, giải quyết vụ án chưa toàn diện.

[2] Về nội dung: Xét Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, bỏ sót chứng cứ và vi phạm nghiêm trọng các thủ tục tố tụng khác, Tòa án cấp phúc thẩm không khắc phục được nên cần phải hủy bản án sơ thẩm. Do hủy án nên tòa án cấp phúc thẩm không phân tích phần nội dung vụ án.

[3] Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại Quyết định số 23/QĐ-VKS-KDTM ngày 27/6/2023 là đúng pháp luật.

[4] Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Do hủy bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Đ.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 23/QĐ-VKS-KDTM ngày 27/7/2023 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 13/2023/KDTM-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố D tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố D tỉnh Bình Dương giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Đ không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D tỉnh Bình Dương trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí Đ 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006688 ngày 12/7/2023.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp;
Tòa K.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đào Minh Đa